

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 18 tháng 7 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 18 tháng 7 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Văn Phổ	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Trí	Thành viên
	Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
	Ông Đào Ngọc Phương	Thành viên
	Bà Trần Tường Anh	Thành viên (từ ngày 22/4/2016)
	Bà Đoàn Thị Xuân	Thành viên (đến ngày 22/4/2016)
Ban kiểm soát	Ông Bùi Đình Thành	Trưởng ban
	Ông Phan Hữu Phú	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên
Ban điều hành	Ông Nguyễn Đức Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
	Bà Trần Thị Hòa Châu	Giám đốc điều hành
	Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
		(từ ngày 2/1/2016)
	Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
		(từ ngày 2/1/2016)
	Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	36 Phố Ông Ích Đường Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ Thành phố Đà Nẵng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành Tổng Công ty

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Dà Nẵng,

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-192-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		981.245.781.202	791.216.857.651
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	37.642.053.130	33.085.486.764
Tiền	111		36.542.053.130	29.383.854.282
Các khoản tương đương tiền	112		1.100.000.000	3.701.632.482
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.782.557.865	24.374.812.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	38.782.557.865	24.374.812.500
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		336.735.832.167	246.070.069.924
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	269.898.850.790	215.878.171.381
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		53.753.125.406	19.966.905.140
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		261.000.000	522.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	13.914.910.698	10.795.048.130
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(1.092.054.727)	(1.092.054.727)
Hàng tồn kho	140	13	507.179.026.432	436.462.209.962
Hàng tồn kho	141		507.494.973.797	437.222.709.962
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(315.947.365)	(760.500.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		60.906.311.608	51.224.278.501
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	10.420.837.082	6.096.528.518
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		50.378.640.815	45.023.270.514
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	20(a)	106.833.711	104.479.469

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		730.025.857.425	578.139.113.597
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.926.000.000	1.468.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.926.000.000	1.468.000.000
Tài sản cố định	220		538.795.320.043	536.743.067.687
Tài sản cố định hữu hình	221	14	534.196.887.117	533.109.586.516
Nguyên giá	222		1.087.424.092.674	1.042.446.668.223
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(553.227.205.557)	(509.337.081.707)
Tài sản cố định vô hình	227	15	4.598.432.926	3.633.481.171
Nguyên giá	228		9.394.889.724	7.804.216.024
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.796.456.798)	(4.170.734.853)
Tài sản dở dang dài hạn	240		159.615.782.376	4.286.497.610
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	159.615.782.376	4.286.497.610
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.472.253.148	5.833.665.782
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	2.676.647.550	3.258.093.255
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	9.355.702.000	9.355.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(6.565.096.402)	(6.785.129.473)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		24.216.501.858	29.807.882.518
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	19.433.669.950	29.037.405.693
Lợi thế thương mại	269	18	4.782.831.908	770.476.825
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.711.271.638.627	1.369.355.971.248

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.398.364.899.718	1.038.793.095.188
Nợ ngắn hạn	310		886.599.883.711	769.462.993.046
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	183.742.664.917	165.084.276.274
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.887.812.372	7.781.720.356
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(b)	9.365.384.150	6.645.100.961
Phải trả người lao động	314		99.647.433.624	152.007.316.535
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	4.963.209.798	9.341.782.265
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	25.501.042.325	16.730.375.923
Vay ngắn hạn	320	23(a)	522.900.848.462	387.641.706.410
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	33.591.488.063	24.230.714.322
Nợ dài hạn	330		511.765.016.007	269.330.102.142
Phải trả người bán dài hạn	331	19	3.054.133.000	3.054.133.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.942.000.000	21.942.000.000
Vay dài hạn	338	23(b)	486.768.883.007	244.333.969.142
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		312.906.738.909	330.562.876.060
Vốn chủ sở hữu	410	25	312.906.738.909	330.562.876.060
Vốn cổ phần	411	26	165.375.000.000	157.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		165.375.000.000	157.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	74.160.475.588	62.951.415.897
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.003.876.955	70.764.097.441
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(568.353.802)	(1.354.204.217)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.572.230.757	72.118.301.658
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		43.367.386.366	39.347.362.722
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.711.271.638.627	1.369.355.971.248

Người lập:



Nguyễn Thị Tường Long
Phó phòng tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.441.380.094.811	1.368.866.475.015
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		304.225.733	902.125.413
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.441.075.869.078	1.367.964.349.602
Giá vốn hàng bán	11		1.307.751.595.794	1.214.504.963.870
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		133.324.273.284	153.459.385.732
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	11.476.016.609	5.949.916.960
Chi phí tài chính	22	32	17.163.307.171	24.242.541.792
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.411.740.446</i>	<i>11.246.487.452</i>
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(581.445.705)	(1.195.662.052)
Chi phí bán hàng	25	33	39.463.788.128	50.612.531.623
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	58.668.551.458	53.155.049.999
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		28.923.197.431	30.203.517.226
Thu nhập khác	31	35	1.199.730.753	6.396.415.262
Chi phí khác	32		1.800.412.278	2.303.444.809
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(600.681.525)	4.092.970.453
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28.322.515.906	34.296.487.679
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	2.021.060.180	2.972.836.198
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang trang sau)	60		26.301.455.726	31.323.651.481

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển từ trang trước)	60		26.301.455.726	31.323.651.481
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		30.572.230.757	30.406.343.227
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(4.270.775.031)	917.308.254
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.941	2.022

Người lập:


 Nguyễn Thị Tường Long
 Phó phòng tài chính

Người duyệt:


 Nguyễn Văn Cường
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Đức Trí
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		28.322.515.906	34.296.487.679
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		51.788.240.631	40.278.987.715
Các khoản dự phòng	03		(664.585.706)	1.131.188.463
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(957.298.047)	4.554.500.387
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		515.196.461	(463.661.339)
Chi phí lãi vay	06		13.411.740.446	11.246.487.452
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		92.415.809.691	91.043.990.357
Biến động các khoản phải thu	09		(93.893.029.299)	(6.254.798.452)
Biến động hàng tồn kho	10		(68.549.771.968)	(77.007.383.011)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(44.789.530.936)	8.277.788.998
Biến động chi phí trả trước	12		(2.573.530.103)	(2.381.604.351)
			(117.390.052.615)	13.677.993.541
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.237.189.239)	(11.636.547.682)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.241.537.136)	(3.370.403.967)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		80.251.834	107.703.505
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.033.992.160)	(3.570.587.084)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(136.822.519.316)	(4.791.841.687)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(162.766.974.962)	(62.575.175.744)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		970.629.091	1.203.363.537
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(500.000.000)	(1.405.000.000)
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn – thuần	23		(14.407.745.365)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		303.000.000	260.400.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác – thuần	25		351.304.783	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.726.087.203
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		855.954.242	830.476.840
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(175.193.832.211)	(59.959.848.164)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		15.524.394.000	7.500.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		1.515.786.818.625	1.121.267.531.376
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.167.125.369.032)	(1.027.813.716.660)
Tiền trả cổ tức	36		(47.612.925.700)	(32.058.690.233)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		316.572.917.893	68.895.124.483
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		4.556.566.366	4.143.434.632
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		33.085.486.764	48.335.013.594
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	37.642.053.130	52.478.448.226

Người lập:



Nguyễn Thị Tường Long
Phó phòng tài chính



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:


TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỆT MAY
HÒA THỌ
CÁM LÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 7 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2016: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 10.586 nhân viên (1/1/2016: 8.564 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HHN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tổng Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty và các công ty con phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban lãnh đạo Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 – 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến kỳ trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

5. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty trong kỳ như sau:

- Một đơn vị trực thuộc trước đây của Tổng Công ty được tách ra và trở thành một công ty con của Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ.
- Tổng Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức, một công ty liên kết của Tổng Công ty, nâng tỷ lệ vốn góp từ 37% lên 68,5%. Theo đó, Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Hợp nhất kinh doanh

Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức nâng tỷ lệ vốn góp từ 37% lên 68,5%. Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.351.304.783	-	10.351.304.783
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	359.627.592	-	359.627.592
Trả trước cho người bán ngắn hạn	47.089.500	-	47.089.500
Phải thu ngắn hạn khác	1.838.616.765	-	1.838.616.765
Hàng tồn kho	2.297.548.390	-	2.297.548.390
Tài sản ngắn hạn khác	168.168.242	-	168.168.242
Tài sản cố định hữu hình	28.476.695.966	-	28.476.695.966
Tài sản cố định vô hình	73.543.750	-	73.543.750
Tài sản dài hạn khác	963.694.615	-	963.694.615
Nợ ngắn hạn	(13.742.467.123)	-	(13.742.467.123)
Nợ dài hạn	(22.508.656.796)	-	(22.508.656.796)
		-	
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	8.325.165.684	-	8.325.165.684
Phần tài sản thuần thuộc Tổng Công ty tại ngày nắm quyền kiểm soát			5.702.738.494
Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên kết nắm giữ bởi Tổng Công ty tại ngày mua			-
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con (Thuyết minh 18)			4.297.261.506
Giá mua phần sở hữu tăng thêm			10.000.000.000
Khoản tiền thu được			10.351.304.783
Khoản tiền thu được thuần			351.304.783

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	153.726.489	77.264.882
Tiền gửi ngân hàng	36.388.326.641	29.306.589.400
Các khoản tương đương tiền	1.100.000.000	3.701.632.482
	37.642.053.130	33.085.486.764

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
* Tiền gửi có kỳ hạn	38.782.557.865	38.782.557.865	24.374.812.500	24.374.812.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
* Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	(*)	5.000.000	(*)

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 60 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 5% đến 7,5% một năm.

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	30/6/2016					1/1/2016				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Dự phòng VND
Công ty con											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	-	-	-	266.790	76,88%	76,88%	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	54,00%	-	-	-	642.800	32,14%	54,00%	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	-	-	-	541.800	54,18%	54,18%	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	-	-	-	267.300	53,46%	53,46%	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	2.652.000	51,00%	51,00%	-	-	-	155.000	51,00%	51,00%	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	-	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức (*)	Quảng Nam	1.370.000	68,50%	68,50%	-	-	-	-	-	-	-
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	850.000	27,23%	42,50%	2.676.647.550	-	-	850.000	27,23%	42,50%	2.953.849.326
Công ty Cổ phần May Hiệp Đức (*)	Quảng Nam	-	-	-	-	-	-	370.000	37,00%	37,00%	304.243.929
						-					
						2.676.647.550					
						-					
						3.258.093.255					

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị khác	Địa chỉ	30/6/2016				1/1/2016			
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc/Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	-	-	7,12%	855.702.000
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	-	10,91%	600.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hòa An	Thừa Thiên Huế	160.000	8,00%	8,00%	1.600.000.000	(265.096.402)	160.000	8,00%	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Dệt - May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	6.300.000.000
					9.355.702.000	(6.565.096.402)			
					12.032.349.550	(6.565.096.402)			
					9.355.702.000	(6.785.129.473)			
					12.613.795.255	(6.785.129.473)			

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần May Hiệp Đức nâng tỷ lệ vốn góp từ 37% lên 68,5%. Công ty Cổ phần May Hiệp Đức trở thành công ty con của Tổng Công ty

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HH
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Motives (Far East) Limited	92.954.556.329	72.384.107.706
Supreme International Inc.	25.487.384.025	15.570.202.788
Aurora Investment Global Inc	22.628.704.035	15.642.169.827
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	21.447.367.762	22.025.410.219
Hultafors Group AB	18.698.359.650	6.136.864.791
Các khách hàng khác	88.682.478.989	84.119.416.050
	269.898.850.790	215.878.171.381

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 229.519 triệu VND (1/1/2016: 139.646 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 23(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là công ty liên quan

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	-	87.634.800
Các công ty liên quan khác	2.130.800	507.172.655
	2.130.800	594.807.455

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	-	2.172.172.524
Tạm ứng	2.482.148.718	1.837.552.537
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	564.808.000	479.963.432
Phải thu thuế nhập khẩu tạm nộp	5.212.507.149	1.895.221.076
Phải thu khác	5.655.446.831	4.410.138.561
	13.914.910.698	10.795.048.130

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016				1/1/2016			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Thanh Thu	Trên 3 năm	428.360.000	(299.852.000)	128.508.000	Trên 3 năm	428.360.000	(299.852.000)	128.508.000
Công ty Cổ Phần Dầu tự								
Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-
Công ty TNHH Dệt may								
Hoàng Anh	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-
Khác	Từ 2 – 3 năm	246.982.691	(230.389.856)	16.592.835	Từ 2 – 3 năm	246.982.691	(230.389.856)	16.592.835
		1.237.155.562	(1.092.054.727)	145.100.835		1.237.155.562	(1.092.054.727)	145.100.835
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(1.092.054.727)				(1.092.054.727)	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	24.668.825.708	-	52.349.634.767	-
Nguyên vật liệu	153.506.760.453	-	105.275.963.685	-
Công cụ và dụng cụ	195.527.246	-	324.326.918	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	192.959.416.435	-	170.360.446.958	-
Thành phẩm	90.699.159.294	(285.500.801)	82.215.888.201	(730.053.436)
Hàng hóa	887.050.172	(30.446.564)	2.781.824.236	(30.446.564)
Hàng gửi đi bán	44.578.234.489	-	23.914.625.197	-
	507.494.973.797	(315.947.365)	437.222.709.962	(760.500.000)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 217.481 triệu VND (1/1/2016: 388.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 23(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	254.827.045.991	684.249.954.765	32.420.649.000	7.725.195.240	63.223.823.227	1.042.446.668.223
Tăng do mua công ty con	18.665.221.396	12.193.565.169	308.363.636	100.763.400	1.346.599.608	32.614.513.209
Tăng trong kỳ	337.454.546	6.836.588.014	528.000.000	738.467.967	1.309.777.257	9.750.287.784
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.388.750.957	2.354.237.691	-	32.000.000	2.486.768.318	6.261.756.966
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	11.598.018.800	-	-	-	11.598.018.800
Thanh lý	(4.892.118.924)	(7.307.713.985)	(193.127.150)	(1.885.802.170)	(846.241.834)	(15.125.004.063)
Biến động khác	(80.599.085)	(41.549.160)	-	-	-	(122.148.245)
Số dư cuối kỳ	270.245.754.881	709.883.101.294	33.063.885.486	6.710.624.437	67.520.726.576	1.087.424.092.674
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	77.033.758.454	380.473.570.358	20.571.567.328	5.513.992.106	25.744.193.461	509.337.081.707
Tăng do mua công ty con	1.343.497.317	2.296.299.325	123.345.456	22.791.716	351.883.429	4.137.817.243
Khấu hao trong kỳ	8.977.138.432	34.976.281.325	1.771.937.086	434.023.234	4.721.181.311	50.880.561.388
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	-	2.404.711.313	-	-	-	2.404.711.313
Thanh lý	(3.515.218.953)	(7.301.465.319)	(193.127.150)	(1.885.802.170)	(515.204.257)	(13.410.817.849)
Biến động khác	(80.599.085)	(41.549.160)	-	-	-	(122.148.245)
Số dư cuối kỳ	83.758.576.165	412.807.847.842	22.273.722.720	4.085.004.886	30.302.053.944	553.227.205.557
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	177.793.287.537	303.776.384.407	11.849.081.672	2.211.203.134	37.479.629.766	533.109.586.516
Số dư cuối kỳ	186.487.178.716	297.075.253.452	10.790.162.766	2.625.619.551	37.218.672.632	534.196.887.117

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 155.719 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 163.351 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 510.592 triệu VND (1/1/2016: 513.401 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho một số khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 23(a)) và dài hạn (Thuyết minh 23(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	7.804.216.024
Tăng do mua công ty con	86.100.000
Tăng trong kỳ	1.560.328.700
Thanh lý	(55.755.000)
Số dư cuối kỳ	9.394.889.724
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.170.734.853
Tăng do mua công ty con	12.556.250
Khấu hao trong kỳ	622.772.820
Thanh lý	(9.607.125)
Số dư cuối kỳ	4.796.456.798
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.633.481.171
Số dư cuối kỳ	4.598.432.926

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.441 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/1/2016: 2.987 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	4.286.497.610	7.506.415.354
Tăng trong kỳ/năm	161.799.529.080	162.954.857.983
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	(6.261.756.966)	(156.383.667.588)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 17)	(208.487.348)	(9.791.108.139)
Số dư cuối kỳ/năm	159.615.782.376	4.286.497.610

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 127.309 triệu VND (1/1/2016: không) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh 23(b)) của các công ty con.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư máy móc thiết bị may Thăng Bình	93.340.401.908	-
Xây dựng nhà xưởng và các hạng mục phụ trợ Thăng Bình	21.930.838.274	-
Đầu tư xây dựng mở rộng may Điện Bàn	14.079.628.062	46.208.000
Công trình xây dựng nhà xưởng may thời trang	9.880.396.553	-
Mua sắm máy móc thiết bị sợi Đông Hà	430.545.456	2.248.630.984
Khác	19.953.972.123	1.991.658.626
	159.615.782.376	4.286.497.610

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trả trước phí bảo hiểm	405.306.290	406.080.228
Công cụ và dụng cụ	6.635.949.134	3.191.214.863
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	456.357.257	580.017.951
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.923.224.401	1.919.215.476
	10.420.837.082	6.096.528.518

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đào tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	23.590.712.141	163.626.254	5.283.067.298	29.037.405.693
Tăng do mua công ty con	963.694.615	-	-	963.694.615
Tăng trong kỳ	4.927.860.787	-	143.904.348	5.071.765.135
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	208.487.348	-	-	208.487.348
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (*)	(7.655.037.815)	-	-	(7.655.037.815)
Phân bổ trong kỳ	(7.243.281.974)	(163.626.254)	(785.736.798)	(8.192.645.026)
Số dư cuối kỳ	14.792.435.102	-	4.641.234.848	19.433.669.950

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty điều chuyển một số tài sản sang tài sản cố định hữu hình và tính lại khấu hao từ đầu cho những tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ	1.400.866.953
Tăng trong kỳ (Thuyết minh 7)	4.297.261.506
Số dư cuối kỳ	5.698.128.459
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu kỳ	630.390.128
Phân bổ trong kỳ	284.906.423
Số dư cuối kỳ	915.296.551
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	770.476.825
Số dư cuối kỳ	4.782.831.908

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Kufner Hongkong Ltd.	16.178.378.419	9.542.122.310
The Kingtex Corporation	13.600.588.417	-
Hultafors Group AB	8.949.982.768	24.036.163.668
Ban Quản lý Cơ sở Hạ tầng Tỉnh Quảng Trị	3.054.133.000	4.579.133.000
Motives (Far East) Limited	1.590.383.617	9.574.682.825
Cargill Cotton Ltd.	-	6.473.251.964
Phải trả cho nhà cung cấp khác	143.423.331.696	113.933.055.507
	186.796.797.917	168.138.409.274

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	183.742.664.917	165.084.276.274
Dài hạn	3.054.133.000	3.054.133.000
	<u>186.796.797.917</u>	<u>168.138.409.274</u>

(c) Phải trả người bán là các công ty liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	33.579.229	474.198.932
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	183.407.574	1.376.675.309
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú	-	648.420.366
Công ty TNHH Coast Phong Phú	1.383.982.637	890.407.442
Chi Nhánh Tập Đoàn Dệt May Việt Nam - Xi Nghiệp	2.119.135.290	-
May Vinatex Quảng Ngãi		
	<u>3.720.104.730</u>	<u>3.389.702.049</u>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.609.885	-	-	9.609.885
Thuế thu nhập cá nhân	79.097.705	50.579.463	(49.012.280)	80.664.888
Các loại thuế khác	15.771.879	6.351.254	(5.564.195)	16.558.938
	104.479.469	56.930.717	(54.576.475)	106.833.711

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Tăng do mua công ty con VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.992.382.463	238.746.752	35.616.088.979	(33.639.955.468)	7.207.262.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.652.718.498	-	2.021.060.180	(2.241.537.136)	1.432.241.542
Thuế thu nhập cá nhân	-	6.313.960	1.083.982.895	(977.642.663)	112.654.192
Các loại thuế khác	-	-	17.820.423.518	(17.207.197.828)	613.225.690
	6.645.100.961	245.060.712	56.541.555.572	(54.066.333.095)	9.365.384.150

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí hoạt động	3.845.846.161	8.270.151.703
Chi phí lãi vay	671.775.533	497.224.326
Các khoản trích trước khác	445.588.104	574.406.236
	4.963.209.798	9.341.782.265

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	6.898.461.933	6.484.611.320
Bảo hiểm xã hội	3.082.812.042	269.699.220
Bảo hiểm y tế	908.076.835	86.371.855
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.431.800	41.613.000
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	4.137.231.441	4.672.021.554
Cổ tức phải trả	1.531.049.997	354.075.697
Mượn nguyên liệu bông từ đơn vị khác	2.549.819.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.287.159.277	4.821.983.277
	25.501.042.325	16.730.375.923

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng do mua công ty con VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND
Vay ngắn hạn	323.783.694.126	323.783.694.126	7.368.801.394	1.201.556.900.437	(1.018.122.647.404)	514.586.748.553
Vay dài hạn đến hạn trả	63.858.012.284	63.858.012.284	-	-	(55.543.912.375)	8.314.099.909
	387.641.706.410	387.641.706.410	7.368.801.394	1.201.556.900.437	(1.073.666.559.779)	522.900.848.462

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	100.952.206.725	64.757.770.302
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	85.472.340.193	36.988.157.420
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	62.679.569.325	16.679.548.566
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương (i)	56.227.339.193	11.382.179.448
Ngân hàng ANZ (i)	55.684.590.084	5.531.334.757
Ngân hàng Indovina (i)	46.699.611.685	19.732.663.024
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	42.248.436.856	68.973.312.499
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	36.877.277.844	2.993.748.977
Ngân hàng TMCP Hàng hải Đà Nẵng (ii)	14.297.374.137	-
Ngân hàng HSBC (i)	1.753.278.375	9.527.919.809
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	275.938.741	47.299.070.820
Vay từ Ban liên lạc lưu trí (ii)	157.360.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ - Hà Nội (i)	-	36.317.988.504
Ngân hàng TMCP Ngoại thương (ii)	-	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hội An (i)	6.271.820.165	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Quảng Nam (i)	4.989.605.230	-
	514.586.748.553	323.783.694.126

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 10), hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định (Thuyết minh 14) của Tổng Công ty và các công ty con.

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay dài hạn		
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	495.082.982.916 (8.314.099.909)	308.191.981.426 (63.858.012.284)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	486.768.883.007	244.333.969.142

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam – công ty mẹ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
Kuraray Trading Co., Ltd.
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Nam
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Nam
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng
Kuraray Trading Co., Ltd.
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng

Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
USD	2035	203.208.816.245	-
USD	2025	100.729.837.026	-
USD	2023	62.988.821.114	72.088.692.522
USD	2021	22.351.000.000	-
VND	2019	-	47.607.635.988
USD	2021	-	44.675.540.010
VND	2021	23.911.540.421	25.192.897.946
USD	2018	-	23.057.712.546
VND	2025	19.956.079.105	-
USD	2020	19.618.970.217	19.783.990.413
VND	2021	14.898.902.669	-
USD	2018	-	15.306.828.577
USD	2020	-	13.436.827.701
USD	2021	6.078.204.698	6.742.413.378
USD	2017	4.693.710.000	6.310.920.000
VND	2019	-	5.146.340.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2018	-	5.136.547.944
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2019	-	5.026.160.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	VND	2020	3.400.000.000	3.800.000.000
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2021	4.290.927.322	-
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2020	3.326.250.116	3.748.843.126
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2018	1.537.856.085	1.691.795.371
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Quảng Nam	VND	2018	1.197.087.800	1.483.287.800
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2016	-	1.409.975.829
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Nam	VND	2018	1.065.205.098	1.336.205.098
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2016	-	1.299.990.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	VND	2020	1.040.000.000	1.170.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	2021	-	887.140.000
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Quảng Nam	VND	2019	456.775.000	539.825.000
Ngân hàng ANZ – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	2016	-	484.791.351
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam	VND	2018	333.000.000	416.500.000
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2017	-	288.846.751
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2016	-	122.274.075
			495.082.982.916	308.191.981.426

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng một số tài sản cố định (Thuyết minh 14) và xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16) của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ/năm	24.230.714.322	7.635.781.202
Trích lập trong kỳ/năm	13.314.514.067	20.412.062.318
Tăng khác	80.251.834	652.080.686
Sử dụng trong kỳ/năm	(4.033.992.160)	(4.469.209.884)
Số dư cuối kỳ/năm	33.591.488.063	24.230.714.322

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	150.000.000.000	53.544.527.763	58.146.592.474	27.467.456.071	289.158.576.308
Phát hành cổ phiếu	7.500.000.000	-	-	-	7.500.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	30.406.343.227	917.308.254	31.323.651.481
Phân bổ vào các quỹ	-	9.392.238.525	(9.392.238.525)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(30.000.000.000)	(2.714.400.000)	(32.714.400.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(20.070.241.403)	(298.138.460)	(20.368.379.863)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	157.500.000.000	62.936.766.288	29.090.455.773	25.372.225.865	274.899.447.926
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	157.500.000.000	62.951.415.897	70.764.097.441	39.347.362.722	330.562.876.060
Phát hành cổ phiếu (*)	7.875.000.000	-	-	7.649.394.000	15.524.394.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	30.572.230.757	(4.270.775.031)	26.301.455.726
Phân bổ vào các quỹ	-	11.209.059.691	(11.209.059.691)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	(47.250.000.000)	(1.539.900.000)	(48.789.900.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.070.495.503)	(244.018.564)	(13.314.514.067)
Tăng do mua công ty con trong kỳ	-	-	-	2.622.427.190	2.622.427.190
Biến động khác	-	-	197.103.951	(197.103.951)	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	165.375.000.000	74.160.475.588	30.003.876.955	43.367.386.366	312.906.738.909

(*) Ngày 29 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty phát hành thêm 787.500 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, nâng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 157.500 triệu VND lên 165.375 triệu VND.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.537.500	165.375.000.000	15.750.000	157.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 47.250 triệu VND cho năm 2015 (tương đương 30% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015), (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 30.000 triệu VND cho năm 2014 tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014).

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận gia công

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận gia công	122.911.870.897	45.335.207.630

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	874.342	19.530.301.719	414.336	9.303.116.128
EUR	1.775	43.826.070	1.781	43.562.201
		19.574.127.789		9.346.678.329

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Đã được duyệt đã ký kết hợp đồng	80.830.000.000	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	72.000.000.000	83.405.408.000

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	645.954.242	804.476.840
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	376.087.203
Cổ tức được chia	210.000.000	26.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.561.931.994	4.743.352.917
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	957.298.047	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	100.832.326	-
	11.476.016.609	5.949.916.960

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.411.740.446	11.246.487.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.971.599.796	7.238.417.218
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.554.500.387
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(220.033.071)	1.203.136.735
	17.163.307.171	24.242.541.792

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.135.671.847	3.023.341.169
Chi phí vật liệu, bao bì	2.809.101.625	2.640.191.366
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.547.048.289	2.786.990.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.557.150	119.149.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.033.354.026	38.404.958.641
Chi phí khác	4.937.055.191	3.637.900.580
	39.463.788.128	50.612.531.623

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	31.724.723.350	30.546.211.313
Chi phí vật liệu	37.411.859	17.429.338
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.007.930.441	1.677.026.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.171.937.319	1.927.887.874
Thuế, phí và lệ phí	1.693.335.173	1.825.584.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.585.378.087	6.300.769.820
Chi phí khác	11.447.835.229	10.860.141.033
	58.668.551.458	53.155.049.999

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	452.759.348
Xóa nợ phải trả	-	4.812.587.445
Các khoản khác	1.199.730.753	1.131.068.469
	1.199.730.753	6.396.415.262

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	719.816.894.098	649.092.637.251
Chi phí nhân viên	374.573.419.883	328.827.358.770
Chi phí khấu hao	51.788.240.631	40.278.987.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	276.495.766.450	285.851.532.366

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	2.021.060.180	2.972.836.198

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	28.322.515.906	34.296.487.679
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	2.832.251.591	3.429.648.768
Ưu đãi thuế	(1.749.541.542)	(1.334.785.352)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	105.665.136	247.484.488
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	63.685.116	879.274.775
Chi phí không được khấu trừ thuế	218.042.588	338.039.461
Thu nhập không bị tính thuế	(21.000.000)	(2.600.000)
Giảm thuế	(78.394.400)	(144.315.400)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	650.351.691	(439.910.542)
	2.021.060.180	2.972.836.198

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 – 2021) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2007 - 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016 (2015: 22%).

(ii) Đối với các công ty con

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% từ năm 2016 (2015: 22%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	30.572.230.757	30.406.343.227
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	30.572.230.757	30.406.343.227

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2016. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	15.750.000	15.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ (*)	725	37.500
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	15.750.725	15.037.500

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty đã phát hành thêm 787.500 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với giá bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Việc phát hành cổ phiếu bằng mệnh giá, thay vì theo giá thị trường, dẫn đến sự thay đổi nguồn vốn có yếu tố thưởng. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phải điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, do không có thông tin về giá thị trường của cổ phiếu của Tổng Công ty, số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu cho mục đích tính lãi trên cổ phiếu chưa được điều chỉnh do ảnh hưởng của việc phát hành này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Cổ tức công bố và đã trả	32.227.446.000	21.484.964.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.694.032.023	-
Vay nhận được trong kỳ	193.649.455.759	-
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	16.093.735.659
Các công ty liên quan khác		
Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty cổ phần		
Bán hàng hóa và dịch vụ	44.054.401	464.612.103
Mua hàng hóa và dịch vụ	42.016.807	2.727.100.380
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.151.387.508
Công ty TNHH Coast Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.919.405.550	7.036.672.607
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.189.341.533	4.728.257.812
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.947.378.000	87.500.000
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát		
Tiền lương và thưởng	3.636.019.596	4.152.092.793

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Kỳ sáu tháng
kết thúc ngày
30/6/2016
VND

Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán

9.768.114.079

Người lập:



Nguyễn Thị Tường Long
Phó phòng tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trí
Tổng Giám đốc